

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST

Ngày: 06/6/2023

V/v: “*Tranh chấp về
hợp đồng thi công công trình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Xuân Thùy**.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Cúc**.

2. Ông **Nguyễn Tấn Quang**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mùi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Nghĩa** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh Thương mại thụ lý số: 12/2022/TLST-KDTM ngày 22/11/2022, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng thi công công trình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 17/4/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐSt-KDTM ngày 11/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH TN, địa chỉ trụ sở: Thôn 2, xã L, huyện M, tỉnh Q. Đại diện theo pháp luật: Ông Lý N, chức danh: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đỗ Đình N, địa chỉ: 19 Võ O, phường 25, quận B, thành phố H hoặc ông Huỳnh Đức O, địa chỉ: N1.10-50 M2, An P, thành phố Q, tỉnh Q.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H, địa chỉ trụ sở: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T, chức danh: Giám đốc.

Ông Huỳnh Đức O, ông Đỗ Đình N có mặt, đại diện bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Vào ngày 05/10/2021, Công ty TNHH TN và Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H có ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình số 0610/HĐKT/2021

về việc thi công thảm bê tông nhựa nóng mặt đường công trình đường trung tâm Y tế Cầu Thiệp Xuyên, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi với tổng giá trị hợp đồng là 1.682.852.750 đồng, bao gồm VAT. Theo đó, Công ty TNHH TN bàn giao cho Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H khối lượng công việc như đã thỏa thuận tại hợp đồng. Công ty TNHH TN đã tạm ứng cho Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H 80% giá trị hợp đồng, tương đương số tiền 1.346.282.200 đồng chậm nhất vào ngày 08/10/2021 để được áp giá nguyên vật liệu sản xuất. Do đó, ngày 07/10/2021, Công ty TNHH TN đã thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H số tiền 1.346.282.200 đồng thông qua số tài khoản ngân hàng Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H.

Vào ngày 18/01/2022, Công ty TNHH TN và công ty Hòa Đông tiếp tục ký kết hợp đồng thi công xây dựng công trình số 2010/HĐKT/2022 về việc thi công thảm bê tông nhựa nóng mặt đường công trình chỉnh trang hành lang vỉa hè trung tâm xã Long Sơn giao đoạn 02 với tổng giá trị hợp đồng là 468.433.706 đồng đã bao gồm VAT. Hai bên thỏa thuận tạm ứng số tiền 400.000.000 đồng còn lại thanh toán sau khi nghiệm thu công trình.

Như vậy, tổng giá trị hai hợp đồng là 2.151.286.456 đồng, đã tạm ứng 1.746.282.200 đồng. Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng tối đa là 03 ngày nhưng quá thời hạn đã thỏa thuận phía bị đơn vẫn không hoàn tất công trình.

Ngày 07/6/2022, nguyên đơn và bị đơn tiến hành lập biên bản nghiệm thu khối lượng và Bảng nghiệm thu giá trị hoàn thành tại văn phòng Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H, xác định giá trị khối lượng công việc bị đơn đã hoàn thành là 545.530.000 đồng, trừ phần tiền đã tạm ứng, lập biên bản đối chiếu công nợ, xác định bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền là 1.453.175.092 đồng. Hai bên tiếp tục thỏa thuận bị đơn sẽ triển khai thi công công trình chậm nhất ngày 10/7/2022 hoặc bị đơn sẽ trả lại cho chúng tôi số tiền đã chuyển dư chậm nhất đến ngày 30/8/2022. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, bị đơn vẫn không thực hiện bất cứ nội dung nào như đã thỏa thuận. Do vậy, nguyên đơn làm đơn yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả lại số tiền tạm ứng còn dư cho nguyên đơn. Tuy nhiên, do trong quá trình đối chiếu công nợ hai bên không kiểm tra kỹ, xác định công nợ còn lại là 1.453.175.092 đồng là chưa chính xác, tiền tạm ứng đã chuyển 1.746.282.200 đồng, trừ đi giá trị hợp đồng đã thực hiện được hai bên thừa nhận 545.530.000 đồng, số tiền tạm ứng còn lại nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả là 1.200.752.200 đồng. Ngoài ra yêu cầu tính lãi từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/5/2023 là 59.797.459 đồng (lãi suất 0,83%/ tháng). Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại nguyên đơn rút yêu cầu.

Đại diện bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nên không có ý kiến gì tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị

án là đúng quy định pháp luật; riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ của bị đơn. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ H phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.200.752.200 đồng và lãi tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/5/2023, lãi suất 0,83%/tháng, tương đương số tiền 59.797.459 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng xây dựng, phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng công trình giao kết giữa nguyên đơn: Công ty TNHH TN, địa chỉ trụ sở: Thôn 2, xã L, huyện M, tỉnh Q và bị đơn: Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H, địa chỉ trụ sở: Thôn H, xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Núi Thành đã tiến hành niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H không đến tham gia các phiên họp, phiên hòa giải. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hai lần mà không có lý do chính đáng. Căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Núi Thành tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về thẩm quyền giao kết hợp đồng: Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H là ông Trần Văn Tám, người ký hợp đồng với Công ty TNHH TN là bà Phạm Thị Tú Thanh. Phía nguyên đơn không xuất trình được ủy quyền của ông Tám cho bà Thanh để ký hợp đồng. Tuy nhiên, hợp đồng đã được thực hiện một phần, phía bị đơn cũng nhận tiền tạm ứng qua tài khoản của pháp nhân nhưng không có ý kiến gì là đã chấp nhận với nội dung hợp đồng đã giao kết. Ngoài ra, bị đơn không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có lời khai tại hồ sơ, không tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, mặc dù Hợp đồng giao kết giữa nguyên đơn và người không có thẩm quyền ký kết của bị đơn là không có hiệu lực theo quy định tại điều 139 Luật xây dựng năm 2014; tuy nhiên phía bị đơn biết nhưng không phản đối trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H theo như thỏa thuận tại hợp đồng số hợp đồng thi công xây dựng công trình số

0610/HĐKT/2021 và số 2010/HĐKT/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 142 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Công ty TNHH TN và Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H giao kết hợp đồng thi công xây dựng công trình là có thật. Hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ, xác định số công nợ còn lại là 1.453.175.092 đồng. Tuy nhiên do nhầm lẫn trong tính toán, nguyên đơn xác nhận lại số công nợ còn lại là 1.200.752.200 đồng. Nội dung này phù hợp với biên bản xác nhận khối lượng công việc hoàn thành, biên lai chuyển tiền tạm ứng của nguyên đơn cho bị đơn và không vượt quá phạm vi số công nợ phía Công ty TNHH Thương mại – dịch vụ H đã thừa nhận tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/10/2021. Việc bị đơn nhận tiền tạm ứng nhưng không hoàn thành nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng. Phía bị đơn đã có văn bản đề nghị tiếp tục thực hiện hoàn thành khối lượng công việc còn lại hoặc hoàn trả lại tiền tạm ứng còn thừa chậm nhất đến ngày 30/8/2022, nhưng bị đơn vẫn không tiếp tục thực hiện hợp đồng. Do yêu cầu của chủ đầu tư, phía nguyên đơn buộc phải giao kết hợp đồng với bên thứ ba để hoàn thành công trình còn dang dở, bị đơn không có ý kiến gì về việc nguyên đơn giao kết hợp đồng với bên thứ ba. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất ý chí chấm dứt việc thực hiện hợp đồng và hoàn trả tiền tạm ứng còn dư chậm nhất ngày 30/8/2022. Tuy nhiên, đến ngày 30/8/2022 bị đơn không hoàn trả tiền tạm ứng là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền và phát sinh nghĩa vụ trả lãi kể từ 01/9/2022 là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 1.200.752.200 đồng và tính lãi kể từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/5/2023, mức lãi 0,83%/tháng, tương đương số tiền 59.797.459 đồng là phù hợp với quy định tại điều 357, 468 bộ luật dân sự, nên chấp nhận.

[4] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Công ty TNHH Thương mại dịch vụ H phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng số tiền 433.587.319 đồng nên đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H phải chịu. Hoàn lại cho tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 138, Điều 139 Luật xây dựng;

Căn cứ vào các Điều 142, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH TN về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng thi công công trình*” đối với bị đơn Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H .

Buộc Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty TNHH TN số tiền 1.200.752.200 đồng và lãi tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày 31/5/2023 là 59.797.459 đồng. Tổng số tiền buộc Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H phải trả cho Công ty TNHH TN là 1.260.549.000 đồng (*Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng*, đã làm tròn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ phần yêu cầu của Công ty TNHH TN đối với Công ty TNHH Thương mại-dịch vụ H về số tiền bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng: 433.587.319 đồng.

3.Ấn phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 49.816.000 đồng (*bốn mươi chín triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng*) Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ H phải chịu.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 30.963.000 đồng (*ba mươi triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0011455 ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Núi Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thùy

